PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 561/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt quy hoạch chi tiết đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2020 và định hướng đến năm 2050;

Xét đề nghị của Bộ Giao thông vận tải tại Tờ trình số 11604/TTr-BGTVT ngày 29 tháng 10 năm 2013 trình duyệt Quy hoạch chi tiết đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu quy hoạch

- Cụ thể hóa hướng tuyến đường Vành đai 5 trong các Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội, Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội, Quy hoạch phát triển đường cao tốc Việt Nam được duyệt.

- Hoạch định quy mô, tiến độ đầu tư cụ thể cho các giai đoạn đến năm 2020, giai đoạn 2020 - 2030 và giai đoạn sau 2030 đảm bảo tính liên kết giữa các địa phương trong vùng, phù hợp với nhu cầu vận tải, khả năng nguồn lực.

- Phân chia thành các đoạn tuyến theo địa giới hành chính các tỉnh, thành phố làm cơ sở cho việc triển khai lập và tổ chức thực hiện dự án đầu tư.

- Làm cơ sở để xác định mốc quy hoạch của đường Vành đai 5 để địa phương triển khai các quy hoạch khác có liên quan.

2. Nội dung quy hoạch

a) Phạm vi

Đường Vành đai 5 quy hoạch đi qua địa giới hành chính của 36 quận, huyện, thành phố trực thuộc 8 tỉnh, thành, gồm:

- Thành phố Hà Nội: Thị xã Sơn Tây, các huyện Ba Vì, Quốc Oai, Chương Mỹ, Mỹ Đức, Ứng Hòa.

- Tỉnh Hòa Bình: Huyện Lương Sơn.

- Tỉnh Hà Nam: Thành phố Phủ Lý và các huyện Kim Bảng, Duy Tiên, Bình Lục, Lý Nhân.

- Tỉnh Thái Bình: Các huyện Hưng Hà, Quỳnh Phụ.

- Tỉnh Hải Dương: Thành phố Hải Dương, thị xã Chí Linh và các huyện Ninh Giang, Tứ Kỳ, Gia Lộc, Thanh Hà, Nam Sách.

- Tỉnh Bắc Giang: Các huyện Lục Nam, Yên Dũng, Lạng Giang và Tân Yên.

- Tỉnh Thái Nguyên: Thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đại Từ.

- Tỉnh Vĩnh Phúc: Thành phố Vĩnh Yên, thị xã Phúc Yên và các huyện Bình Xuyên, Tam Dương, Yên Lạc, Vĩnh Tường.

b) Hướng tuyến

Hướng tuyến chi tiết của từng đoạn như sau:

- Đoạn qua thành phố Hà Nội (dài khoảng 48 km): Từ vị trí cầu Vĩnh Thịnh, tuyến nhập vào đi trùng đường Hồ Chí Minh dài khoảng 21,5 km, giao với cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình tại xã Yên Bình, huyện Thạch Thất, tuyến đi về phía Nam sang địa phận tỉnh Hòa Bình, đến khu vực Chợ Bến rẽ theo hướng Đông vượt sông Đáy sang địa phận tỉnh Hà Nam.

- Đoạn qua tỉnh Hòa Bình (dài khoảng 35,4 km): Tuyến đi trùng hoàn toàn với đường Hồ Chí Minh trong quy hoạch, đi song song quốc lộ 21, giao với quốc lộ 6 tại phía Đông khu công nghiệp Lương Sơn đến khu vực Chợ Bến, đi về phía Đông sang địa phận thành phố Hà Nội.

- Đoạn qua tỉnh Hà Nam (dài khoảng 35,3 km): Từ điểm vượt sông Đáy tuyến đi mới song song quốc lộ 21B về phía Tây Nam, sau đó nhập vào và đi trùng tuyến quốc lộ 21B đoạn Chợ Dầu - Ba Đa khoảng 16,5 km, giao với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình tại nút giao Phú Thứ. Tuyến tiếp tục đi theo hướng Đông nhập vào đi trùng với tuyến nối 2 đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình khoảng 10 km, vượt sông Hồng qua cầu Thái Hà sang địa phận tỉnh Thái Bình.

- Đoạn qua tỉnh Thái Bình (dài khoảng 28,5 km): Từ vị trí cầu Thái Hà tuyến đi trùng đường nối 2 tỉnh Hà Nam - Thái Bình (ĐT.499) khoảng 15,2 km đến đường huyện ĐH.64A, tuyến đi theo hướng Đông Bắc song song với ĐT.455, vượt sông Luộc tại vị trí cách cầu Hiệp khoảng 1,0 km về phía hạ lưu sang địa phận tỉnh Hải Dương.

- Đoạn qua tỉnh Hải Dương (dài khoảng 52,7 km): Tại vị trí vượt sông Luộc, tuyến cơ bản đi trùng đường trục phát triển kinh tế Bắc - Nam đến đường ĐT.392, đi song song với quốc lộ 38B, giao với cao tốc Hà Nội - Hải Phòng tại xã Ngọc Kỳ, huyện Tứ Kỳ (phía Đông khu công nghiệp Hưng Đạo). Tuyến đi tránh thành phố Hải Dương về phía Đông và đi trùng với vành đai 2 quy hoạch của thành phố Hải Dương, hết đường vành đai 2 tuyến đi theo hướng Bắc giao với quốc lộ 5 tại phía Tây cầu Lai Vu, đi song song quốc lộ 37 về phía Đông và nhập vào đi trùng đường cao tốc Nội Bài - Hạ Long (quy hoạch) đoạn Côn Sơn - Kiếp Bạc khoảng 11,8 km đến nút giao quốc lộ 37 và tiếp tục đi theo hướng Bắc song song với quốc lộ 37 về phía Tây sang địa phận tỉnh Bắc Giang.

- Đoạn qua tỉnh Bắc Giang (dài khoảng 51,3 km): Tuyến đi song song quốc lộ 37 (đoạn Sao Đỏ - Bắc Giang) về phía Tây, vượt sông Lục Nam tại phía hạ lưu cầu Lục Nam, đi tránh thành phố Bắc Giang về phía Đông, giao với quốc lộ 1 (cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn) tại xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang. Tuyến tiếp tục đi song song quốc lộ 37 (đoạn Đình Trám - Phú Bình) về phía Đông, sau đó tuyến rẽ theo hướng Tây sang địa phận tỉnh Thái Nguyên.

- Đoạn qua tỉnh Thái Nguyên (dài khoảng 28,9 km): Tuyến đi mới theo hướng Tây giao với quốc lộ 37 tại xã Hương Sơn, huyện Phú Bình, vượt sông Cầu và đi trùng với đại lộ Đông Tây - Khu tổ hợp Yên Bình, giao với đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên tại nút Yên Bình và đi trùng đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên khoảng 12 km, đi trùng quốc lộ 3 cũ khoảng 2,5 km đến vị trí nút giao trạm cân Quá Tải. Tuyến đi theo hướng Tây Nam qua thị xã Sông Công đến đèo Nhõn, vượt dãy Tam Đảo tại đèo Nhe sang địa phận tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đoạn qua địa phận tỉnh Vĩnh Phúc (dài khoảng 51,5 km): Từ khu vực đèo Nhe tuyến đi theo hướng đường tỉnh ĐT.301 và đường tỉnh ĐT.310B đến nút giao Bình Xuyên, nhập vào đi trùng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai khoảng 14,5 km đến nút giao với quốc lộ 2C, tuyến tiếp tục đi trùng đường Hợp Thịnh - Đạo Tú đến quốc lộ 2, sau đó đi theo quốc lộ 2C, qua cầu Vĩnh Thịnh sang địa phận thành phố Hà Nội.

Tổng chiều dài toàn tuyến đường Vành đai 5 khoảng 331,5 km (không bao gồm khoảng 41 km đi trùng các đường cao tốc Nội Bài - Hạ Long, Hà Nội - Thái Nguyên, Nội Bài - Lào Cai và quốc lộ 3).

c) Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

- Đường Vành đai 5 chính tuyến

+ Tiêu chuẩn đường cao tốc TCVN5729-2012 có đường gom, đường song hành, quy mô 4 ÷ 6 làn xe, bề rộng nền đường tối thiểu Bn = 25,5 ÷ 33,0 m cho các đoạn Sơn Tây - Phủ Lý (từ đường Hồ Chí Minh đến cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình) và Phủ Lý - Bắc Giang (từ cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình đến cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn) thuộc địa phận thành phố Hà Nội, các tỉnh Hòa Bình, Hà Nam, Thái Bình, Hải Dương và Bắc Giang.

+ Tiêu chuẩn đường ô tô cấp II theo TCVN 4054-05, quy mô 4 ÷ 6 làn xe, bề rộng nền đường tối thiểu Bn = 22,5 ÷ 32,5 m cho các đoạn Bắc Giang - Thái Nguyên (từ đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn đến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên) và đoạn Thái Nguyên - Vĩnh Phúc - Sơn Tây (từ đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đến đường Hồ Chí Minh) thuộc địa phận các tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc và thành phố Hà Nội (đoạn qua thị xã Sơn Tây).

(Chi tiết xem tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Quyết định này)

- Đường gom, đường song hành

+ Xây dựng đường gom, đường song hành tại các đoạn được nâng cấp, mở rộng từ đường địa phương, đường đô thị và các đoạn đi qua khu đông dân cư với quy mô có tối thiểu 01 làn xe theo TCVN4054-05 hoặc TCXDVN 104-2007.

+ Đường gom, đường song hành được đầu tư phân kỳ theo nhu cầu vận tải, sự phát triển của đô thị hai bên và được tính toán cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư.

d) Công trình: Dự kiến xây dựng các công trình

- 25 nút liên thông và các cầu vượt trực thông để đảm bảo liên hệ giao thông hai bên đường được thuận lợi.

- 02 vị trí hầm tại khu vực núi Voi và núi Bé thuộc huyện Hương Sơn, tỉnh Hòa Bình, mỗi hầm dài khoảng 300 m.

- 17 cầu lớn, 42 cầu trung và 45 cầu nhỏ trên toàn tuyến. Trong đó có 02 cầu đặc biệt lớn vượt sông Hồng đang được triển khai theo dự án khác là cầu Thái Hà dài 2,1 km và cầu Vĩnh Thịnh dài 4,4 km.

đ) Nhu cầu sử dụng đất

Nhu cầu sử dụng đất để xây dựng tuyến đường theo quy hoạch khoảng 1.532 ha, trong đó: Thành phố Hà Nội khoảng 260 ha, tỉnh Hòa Bình khoảng 192 ha, tỉnh Hà Nam khoảng 152 ha, tỉnh Thái Bình khoảng 169 ha, tỉnh Hải Dương khoảng 290 ha, tỉnh Bắc Giang khoảng 238 ha, tỉnh Thái Nguyên khoảng 117 ha, tỉnh Vĩnh Phúc khoảng 114 ha.

e) Nhu cầu vốn đầu tư

Nhu cầu vốn đầu tư đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội khoảng 85.561 tỷ đồng (tính theo giá năm 2013), cụ thể như sau: Giai đoạn trước 2020 là 19.760 tỷ đồng; giai đoạn 2020 - 2030 là 32.175 tỷ đồng; giai đoạn sau 2030 là 33.626 tỷ đồng.

(Phần kinh phí này không bao gồm kinh phí các dự án đang triển khai, các khoản lãi vay trong thời gian thực hiện dự án, các chi phí khác tùy thuộc loại hình đầu tư. Các chi phí này sẽ được xác định cụ thể trong các dự án đầu tư).

g) Nguồn vốn

- Nguồn vốn được huy động bằng nhiều hình thức: Vốn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, ODA; vốn ngân sách địa phương, từ khai thác quỹ đất các địa phương; vốn đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP), BOT, BT…

- Cơ chế huy động vốn

+ Huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước, từ các thành phần kinh tế dưới nhiều hình thức khác nhau tham gia đầu tư.

+ Huy động từ ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ và ưu tiên vốn ODA tập trung đầu tư một số đoạn tuyến trước 2020 để đảm bảo thông tuyến Vành đai 5.

+ Huy động nguồn lực thông qua khai thác quỹ đất, cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn tài sản hạ tầng đường bộ.

h) Tiến độ thực hiện

- Giai đoạn trước năm 2020: Thông toàn tuyến đường Vành đai 5 theo các quốc lộ hiện hữu. Xây dựng một số đoạn tuyến mới có nhu cầu từ 2 ÷ 4 làn xe.

- Giai đoạn 2020 - 2030: Xây dựng toàn tuyến theo quy mô quy hoạch của đường Vành đai 5 đạt tối thiểu 4 làn xe theo tiêu chuẩn đường cao tốc và quốc lộ.

- Giai đoạn ngoài 2030: Xây dựng hoàn chỉnh theo quy mô quy hoạch.

Tiến độ xây dựng của từng dự án thành phần sẽ được điều chỉnh phù hợp theo tình hình phát triển kinh tế - xã hội cụ thể trong từng giai đoạn.

(Chi tiết tiến độ thực hiện xem tại Phụ lục II ban hành theo Quyết định này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Giao thông vận tải:

- Bàn giao cho các địa phương tổ chức thực hiện quy hoạch. Chủ trì đầu tư các đoạn tuyến đi trùng quốc lộ, tuyến cao tốc.

- Thực hiện chức năng nhà nước trong giai đoạn vận hành khai thác.

- Chủ trì thẩm định hệ thống quản lý giao thông ITS đảm bảo đồng bộ toàn tuyến (nếu có).

2. Các Bộ, ngành liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm cập nhật quy hoạch đường Vành đai 5 vào các quy hoạch có liên quan; phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong quá trình thực hiện quy hoạch, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các chiến lược, quy hoạch có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố:

- Tổ chức quản lý quỹ đất cho quy hoạch. Đồng thời trên cơ sở quy hoạch này, chủ động lập dự án, huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng các đoạn tuyến trên địa bàn (kể cả các đoạn đi trùng cao tốc, quốc lộ khi Trung ương chưa bố trí được nguồn lực), trong đó ưu tiên huy động nguồn lực từ khai thác quỹ đất.

- Là cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án triển khai theo hình thức Hợp đồng BT, BOT, PPP.

- Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trong quá trình quản lý, khai thác đường Vành đai 5.

- Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, các dự án trên địa bàn quản lý phù hợp với nội dung quy hoạch. Thông báo về quy hoạch tuyến đường trên địa bàn địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hoàng Trung Hải

Phụ lục I
QUY MÔ MẶT CẮT NGANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 561/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Đoạn Sơn Tây - Phủ Lý - Bắc Giang theo tiêu chuẩn đường cao tốc có bề rộng tối thiểu như sau:

Phần xe chạy:		
Đường 6 làn xe	= 2 x 3 x 3,75	= 22,5 m
Đường 4 làn xe	= 2 x 2 x 3,75	= 15,0 m
Dải phân cách giữa	= 1 x 1,0	= 1,0 m
Dải an toàn	= 2 x 0,75	= 1,5 m
Lề đường	= 2 x 3,0	= 6,0 m
Lề đất	= 2 x 1,0	= 2,0 m
Tổng cộng:		
	Đường 6 làn xe:	**= 33,0 m**
	Đường 4 làn xe:	**= 25,5 m**

Các đoạn tuyến đi qua khu đô thị, khu quy hoạch, khu đông dân cư bố trí đường gom, đường song hành với quy mô phù hợp từng đoạn tuyến, kết hợp với cống chui cầu vượt để đảm bảo liên hệ dân sinh hai bên.

2. Đoạn Bắc Giang - Thái Nguyên - Vĩnh Phúc theo tiêu chuẩn đường ô tô cấp II, có bề rộng tối thiểu như sau:

Phần xe chạy (4 làn)	= 2 x (2 x 3,75)	= 15,0 m
Dải phân cách giữa	= 1 x 0,5	= 0,5 m
Dải an toàn	= 2 x 0,5	= 1,0 m
Lề đường	= 2 x 2,5	= 5,0 m
Lề đất	= 2 x 0,5	= 1,0 m
Tổng cộng:		**= 22,5m**

3. Đoạn Vĩnh Phúc - Sơn Tây theo tiêu chuẩn đường ô tô cấp II, có bề rộng tối thiểu như sau:

Phần xe chạy (6 làn xe cơ giới)	= 2 x (3 x 3,75)	= 22,5 m
Dải phân cách giữa	= 1 x 3,0	= 3,0 m
Dải an toàn	= 2 x 0,5	= 1,0 m
Lề đường	= 2 x 2,5	= 5,0 m
Lề đất	= 2 x 0,5	= 1,0 m
Tổng cộng:		**= 32,5 m**

Phụ lục II
TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 561/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Đoạn tuyến			Địa phận		Chiều dài (km)	Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật	Kế hoạch thực hiện		
								Trước 2020	2020 - 2030	Sau 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	1. Sơn Tây - Phủ Lý	Đường Hồ Chí Minh (Sơn Tây - Chợ Bến)	Sơn Tây - đường vào Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam	Ba Vì	Hà Nội	3,00	Cao tốc 6 làn xe, Bn=33,0 m	Hoàn chỉnh trong giai đoạn 2012 - 2020		
2			Đường vào làng văn hóa các dân tộc Việt Nam đến đường cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình	Ba Vì, Thạch Thất		4,4	Cao tốc 6 làn xe, đường đô thị 2 làn xe mỗi bên, Bn=120 m			
3			Đường cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình đến xã Hòa Thạch	Thạch Thất, Quốc Oai		14,1	Đường cao tốc 6 làn xe, Bn=33,0 m			
4			Hòa Sơn - Chợ Bến	Lương Sơn	Hòa Bình	35,4	Cao tốc 6 làn xe, Bn=33,0 m			
5		Chợ Bến - Phủ Lý	Chợ Bến đến cầu sông Đáy	Mỹ Đức	Hà Nội	16,0	Cao tốc 6 làn xe, Bn=33,0 m	ĐT.424, QL.21B	Cao tốc 4 làn xe	Cao tốc 6 làn xe
6			Cầu sông Đáy đến cầu Tiên Tân	Kim Bảng, Duy Tiên	Hà Nam	13,5	Cao tốc 6 làn xe, đường song hành 2 làn xe mỗi bên, Bn=55,0÷66,0 m	QL.21B	Cao tốc 4 làn xe	Cao tốc 6 làn xe
7			Cầu Tiên Tân - nút Phú Thứ	Duy Tiên		3,0	Cao tốc 6 làn xe trên cao, đường đô thị 2 làn xe mỗi bên, Bn=65,5 m	QL.21B	Cao tốc 6 làn xe	
8	2. Phủ Lý - Bắc Giang	Phủ Lý - Hải Dương	Nút Phú Thứ đến cầu Thái Hà	Duy Tiên, Bình Lục, Lý Nhân		18,8	Cao tốc 6 làn xe, đường song hành 2 làn xe mỗi bên, Bn=55,0÷66,0 m	Đường nối hai cao tốc, ĐT.499	Cao tốc 4 làn xe	Cao tốc 6 làn xe
9			Đi trùng đường nối Thái Bình - Hà Nam đến Hưng Hà	Hưng Hà	Thái Bình	15,2	Cao tốc 6 làn xe, đường song hành 2 làn xe mỗi bên, Bn=55,0÷66,0 m	ĐT.499	Cao tốc 4 làn xe	Cao tốc 6 làn xe
10			TT. Hưng Hà - cầu sông Luộc	Hưng Hà, Quỳnh Phụ		13,3	Cao tốc 6 làn xe, Bn=33,0 m	ĐT.396B	Cao tốc 4 làn xe	Cao tốc 6 làn xe

TT	Đoạn tuyến			Địa phận		Chiều dài (km)	Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật	Kế hoạch thực hiện		
								Trước 2020	2020 - 2030	Sau 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
11	2. Phủ Lý - Bắc Giang	Phủ Lý - Hải Dương	Đi trùng đường trục kinh tế Bắc - Nam đến ĐT.392	Ninh Giang	Hải Dương	9,0	Cao tốc 6 làn xe, đường song hành 2 làn xe mỗi bên, Bn=55,0÷66,0 m	Trục phát triển kinh tế Bắc - Nam	Cao tốc 4 làn xe	Cao tốc 6 làn xe
12			ĐT.392 ÷ cao tốc Hà Nội - Hải Phòng ÷ Vành đai 2 Hải Dương	Tứ Kỳ, Thanh Hà		11,5	Cao tốc 6 làn xe, Bn=33,0 m	Trục phát triển kinh tế Bắc - Nam, QL.38B	Cao tốc 4 làn xe	Cao tốc 6 làn xe
13		Hải Dương - Bắc Giang	Đi trùng Vành đai 2 thành phố Hải Dương	Thanh Hà, Nam Sách		15,0	Cao tốc 6 làn xe, đường đô thị 2 làn xe mỗi bên, Bn=62,0 m	QL.38B, QL.5	Cao tốc 4 làn xe	Cao tốc 6 làn xe
14			Đường Vành đai 2 Hải Dương đến đường cao tốc Nội Bài - Hạ Long	Nam Sách, Chí Linh		26,2	Cao tốc 6 làn xe, Bn=33,0 m	QL.37	Cao tốc 4 làn xe	Cao tốc 6 làn xe
15			Đi trùng đường cao tốc Nội Bài - Hạ Long (Côn Sơn - Kiếp Bạc)	Chí Linh		11,8	Cao tốc 6 làn xe, Bn=33,0 m	Theo tiến độ Đường cao tốc Nội Bài - Hạ Long		
16			Nút giao QL.37 đến đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn	Lục Nam, Lạng Giang	Bắc Giang	21,6	Cao tốc 6 làn xe, Bn=33,0 m	QL.37, QL.31	Cao tốc 4 làn xe	Cao tốc 6 làn xe
17	3. Bắc Giang - Thái Nguyên	Đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn đến ĐT.294		Lạng Giang, Tân Yên		29,7	Cấp II, 4 làn xe, Bn=22,5 m	Cấp III, 2 làn xe	Cấp II, 4 làn xe	
18		Phú Bình - cầu vượt sông Cầu		Phú Bình	Thái Nguyên	6,5	Cấp II, 4 làn xe, Bn=22,5 m	Cấp III, 2 làn xe	Cấp II, 4 làn xe	
19		Đi trùng Đại lộ Đông Tây - Khu tổ hợp Yên Bình		Phổ Yên		7,8	Cấp II, 6 làn xe, đường đô thị 2 làn xe mỗi bên, Bn=120 m	Theo tiến độ xây dựng của Đại lộ Đông Tây - Khu tổ hợp Yên Bình		
20	4. Thái Nguyên - Sơn Tây	Thái Nguyên - Vĩnh Yên	Đi trùng Đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên và QL.3	Phổ Yên, Sông Công, thành phố Thái Nguyên		14,5	Cao tốc 4 làn xe (quy hoạch 6 làn), Bn=34,5 m và đường ô tô 4 làn xe, Bn=27,0 m	Theo tiến độ xây dựng đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên và QL.3		
21			Ngã ba Quá Tải đến đèo Nhe	Thành phố Thái Nguyên, Sông Công, Phổ Yên		14,6	Cấp II, 4 làn xe, Bn=22,5 m	Cấp III, 2 làn xe	Cấp II, 4 làn xe	

TT	Đoạn tuyến			Địa phận		Chiều dài (km)	Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật	Kế hoạch thực hiện		
								Trước 2020	2020 - 2030	Sau 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
22	4. Thái Nguyên - Sơn Tây	Thái Nguyên - Vĩnh Yên	Đèo Nhe đến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Phúc Yên, Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	15,4	Cấp II, 4 làn xe, Bn=22,5 m	ĐT.301, ĐT.310		Cấp II, 4 làn xe
23		Vĩnh Yên - Sơn Tây	Đi trùng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Bình Xuyên, Tam Dương		14,5	Cao tốc 4 làn xe, Bn=25,5 m (quy hoạch 6 làn, Bn=33)	Theo tiến độ xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai		
24			Đi trùng đường Hợp Thịnh - Đạo Tú	Tam Dương		13,7	Cấp II, 6 làn xe, đường bên 2 làn xe mỗi bên, Bn=57,0 m	QL.2C	Cấp II, 4 làn xe	Cấp II, 6 làn xe
25			QL.2 đến cầu Vĩnh Thịnh (QL.2C)	Vĩnh Tường		22,4	Cấp II, 6 làn xe, Bn=32,5 m	QL.2C	Cấp II, 4 làn xe	Cấp II, 6 làn xe
26			Cầu Vĩnh Thịnh đến đường Hồ Chí Minh	Sơn Tây	Hà Nội	10,5	Cấp II, 6 làn xe, đường đô thị mỗi bên 2 làn xe, Bn=100 m	cầu Vĩnh Thịnh, QL21	Cấp II, 4 làn xe	Cấp II, 6 làn xe